

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP KẾT THÚC (1953 - 1954)

Đẩy mạnh chiến tranh du kích ở khắp các chiến trường sau lưng địch; đồng thời tích cực tiến hành mọi sự chuẩn bị cần thiết trong nhân dân và bộ đội địa phương, dân quân du kích ở các vùng tự do để cho bộ đội chủ lực chủ động đánh địch theo kế hoạch đã định. Do hành động của địch chưa rõ rệt, Hội nghị Bộ Chính trị nêu lên phương châm tác chiến chung là "Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt", "Đánh ăn chắc" (chắc thắng thì đánh cho kì thắng, không chắc thắng thì kiên quyết không đánh).

Thực hiện chủ trương chiến lược của Bộ Chính trị, trong Đông - Xuân 1953 - 1954, quân đội ta chủ động mở một loạt chiến dịch tiến công địch trên khắp các chiến trường Đông Dương.

Vào trung tuần tháng 11-1953, một đơn vị chủ lực của ta bắt đầu tiến lên Tây Bắc, hướng chính là Lai Châu; một đơn vị khác vượt qua rừng núi Trường Sơn, tiến sang Trung Lào phối hợp cùng với bạn chuẩn bị đánh địch.

Phát hiện sự di chuyển của quân ta lên Tây Bắc, ngày 20-11- 1953, Nava cho 6 tiểu đoàn lính Âu - Phi tinh nhuệ nhảy dù xuống chiếm đóng Điện

Biên Phủ (chiến dịch Casto). Bằng hành động này, thực dân Pháp nhằm bảo vệ chiến trường Tây Bắc, Thượng Lào và phá kế hoạch tiến công của ta.

Ngày 10-12-1953, quân ta mở cuộc tiến công vào thị xã Lai Châu; một bộ phận khác tiến xuống bao vây Điện Biên Phủ. Qua 10 ngày chiến đấu, quân ta đã tiêu diệt và làm tan rã 24 đại đội địch, giải phóng toàn bộ khu vực Lai Châu, uy hiếp Điện Biên Phủ từ phía bắc. Thực dân Pháp buộc phải rút bớt 6 tiểu đoàn quân cơ động từ đồng bằng Bắc Bộ lên xây dựng Điện Biên Phủ thành nơi tập trung binh lực thứ hai. Kế hoạch Nava bước đầu bị phá sản. Đầu tháng 12-1953, phối hợp với bộ đội Pathét Lào, quân ta mở chiến dịch ở Trung Lào, loại khỏi vòng chiến đấu 3 tiểu đoàn Âu - Phi, giải phóng tỉnh Thà Khẹt, uy hiếp căn cứ Xê nô (Xavanakhết). Địch buộc phải điều quân cơ động từ đồng bằng Bắc Bộ và các chiến trường khác tăng cường cho Xê nô. Từ đó, Xê nô trở thành nơi tập trung binh lực thứ ba của quân Pháp.

Thừa thắng, một đơn vị nhờ của bộ đội tình nguyện Việt Nam phối hợp với quân đội Pathét Lào men theo dãy Trường Sơn, tiến công xuống Hạ Lào; giải phóng thị xã Atôpơ và toàn bộ cao nguyên Bôlôven; sau đó phối hợp với quân giải phóng Campuchia, giải phóng Vưonsai và Xiêm pang, uy hiếp Tungstreng, nối liền khu du kích Đông Bắc

Campuchia với căn cứ Hạ Lào.

Mặc dù bị quân ta đánh ở nhiều nơi, nhưng Nava vẫn chủ quan cho rằng "sức Việt Minh đã tàn". Vì vậy, ngày 20-1-1954, Nava tập trung 20 tiểu đoàn bộ binh mở chiến dịch quảng tấn công vào Tuy Hoà (Phú Yên) nhằm đánh chiếm toàn bộ vùng tự do của ta ở Liên khu V theo kế hoạch đã định.

Thực hiện phương hướng chiến lược của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, nêu cao tinh thần chiến đấu dũng cảm, tích cực, chủ động, cơ động và linh hoạt, bộ đội ta mở cuộc tiến công địch lên Tây Nguyên. Đêm 26-1-1954, trên hướng thứ yếu của chiến dịch, bộ đội ta nổ súng tiêu diệt các vị trí trên Đường 19 – An Khê mở màn chiến dịch. Ngày 5-2-1954, thị xã Kon Tum và toàn bộ vùng Bắc Tây Nguyên được giải phóng. Plâycu và các cứ điểm của địch ở miền Nam Tây Nguyên bị uy hiếp. Địch buộc phải bỏ dở cuộc tiến công vào Tuy Hoà; đồng thời phải điều động 11 tiểu đoàn từ Nam Bộ và Bình - Trị - Thiên lên tăng cường cho Plâycu và một số cứ điểm ở Nam Tây Nguyên. Sau đồng bằng Bắc Bộ, Điện Biên Phủ và Trung Lào, Plâycu cùng một số cụm cứ điểm ở Nam Tây Nguyên trở thành nơi tập trung binh lực thứ tư của quân Pháp. Để đánh lạc hướng phán đoán của địch, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp tục đẩy mạnh mọi công tác chuẩn bị tiến công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, từ

cuối tháng 1-1954, bộ đội chủ lực ta phối hợp với bộ đội Pathét Lào mở cuộc tiến công địch ở Thượng Lào. Trải qua hơn 10 ngày chiến đấu, quân ta tiêu diệt 17 đại đội địch, thu hàng chục tấn vũ khí, đạn dược, giải phóng lưu vực sông Nậm Hu. Nhân lúc địch hoang mang, một bộ phận liên quân Việt - Lào tiến công lên phía bắc, giải phóng hoàn toàn tỉnh Phong Xa Lì rộng khoảng 10.000 km². Từ sau chiến thắng này, cả một vùng rộng lớn Đông Bắc, Việt Bắc, Tây Bắc của Việt Nam và khu giải phóng Sầm Nưa của Lào được nối liền thành một dải liên hoàn vững chắc.

Nhằm đối phó với tình hình trên, Bộ chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương buộc phải lập một cầu hàng không đưa quân từ đồng bằng Bắc Bộ lên tăng cường cho Luông Phabăng - Mường Sài. Luông Phabăng - Mường Sài trở thành nơi tập trung binh lực thứ năm của địch trên chiến trường Đông Dương. Phối hợp với các cuộc tiến công của bộ đội chủ lực trên các mặt trận chính diện, tại các mặt trận sau lưng địch, từ Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Bình - Trị - Thiên đến đồng bằng Bắc Bộ, quân và dân ta đẩy mạnh chiến tranh du kích.

Ở Nam Bộ, bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương đẩy mạnh tiến công vào vùng tạm bị chiếm, tiêu diệt nhiều địch, kết hợp với công tác binh vận, tạo điều kiện cho quần chúng đấu tranh chính trị. Ở Nam Trung Bộ, chiến tranh du kích phát triển mạnh, tiêu diệt và bức rút nhiều vị trí địch

giải phóng nhiều vùng rộng lớn. Ở Bình - Trị - Thiên, bộ đội ta hoạt động mạnh trên Đường số 9, phá huỷ nhiều cầu cống, tiêu diệt nhiều địch, diệt và bức địch rút 6 vị trí, giải phóng hoàn toàn huyện Hương Hoá và một phần huyện Cam Lộ (Quảng Trị). Trên Đường số 1 và Đường số 9, quân ta tiêu diệt nhiều xe và đoàn tàu của địch.

Đồng bằng Bắc Bộ là nơi quân địch tập trung đông nhất và cũng là nơi thường xuyên diễn ra các cuộc đọ trí, đọ sức gay go quyết liệt giữa ta và địch. Dưới sự lãnh đạo của Liên khu uỷ Liên khu III, Khu uỷ khu Tả Ngạn và Thành uỷ Hà Nội, các hoạt động tiến công quân sự của bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân, du kích không ngừng phát triển và đạt nhiều kết quả. Phòng tuyến sông Đáy của địch bị phá vỡ; căn cứ của ta ở tả ngạn và hữu ngạn sông Hồng được mở rộng. Con Đường số 5 - tuyến giao thông huyết mạch, được coi là yết hầu của địch, liên tiếp bị quân ta phục kích; nhiều lúc bị tê liệt; nhiều đoàn ô tô vận tải và tàu quân sự của địch bị phá huỷ. Quân ta liên tục tập kích các thành phố, thị xã, kể cả thủ đô Hà Nội và một số sân bay (Gia Lâm, Cát Bi), tiêu diệt sinh lực địch, phá huỷ máy bay và nhiều phương tiện chiến tranh của chúng.

Như vậy, bước vào Đông - Xuân 1953 - 1954, thực hiện chủ trương chiến lược của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, quân ta liên tiếp chủ động mở các cuộc tiến công chiến lược trên toàn chiến trường Đông

Đương; đồng thời đẩy mạnh chiến tranh du kích trong các vùng sau lưng địch, tiêu diệt sinh lực địch, phá huỷ phương tiện chiến tranh, giải phóng nhiều vùng đất rộng lớn. Các hoạt động bền bỉ, liên tục, rộng khắp với hiệu quả cao của quân và dân ta buộc địch phải bị động phân tán lực lượng cơ động đang tập trung ở đồng bằng Bắc Bộ đến các chiến trường rừng núi; trong đó, bộ phận quân tinh nhuệ bậc nhất bị giam chân tại Điện Biên Phủ. Số quân cơ động của địch ở đồng bằng Bắc Bộ từ chỗ có 44 tiểu đoàn, chỉ còn lại 20 tiểu đoàn. Kế hoạch Nava bị phá sản một bước rất nghiêm trọng. Thắng lợi của ta trong các cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 là sự chuẩn bị những điều kiện vật chất và tinh thần cho quân và dân ta mở trận quyết chiến chiến lược vào tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

1. Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954)

Sau khi không đạt được âm mưu bảo vệ chiến trường Tây Bắc, Thượng Lào và cũng không ngăn chặn được kế hoạch tiến công của ta trong Đông - Xuân 1953 - 1954, Bộ chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương quyết định chấp nhận cuộc chiến đấu với chủ lực ta tại chiến trường rừng núi Tây Bắc Việt Nam. Do đó, từ đầu tháng 12-1953, Nava chủ trương xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh. Điện Biên Phủ là một thung lũng rộng lớn thuộc phía nam tỉnh Lai Châu, có chiều dài từ 18 đến 20 km; chiều rộng từ 6 đến 8 km; cách Hà Nội

khoảng 300 km và cách Luông Phabăng khoảng 200 km theo đường chim bay. Thung lũng Điện Biên nằm gần biên giới Việt - Lào, trên một ngã ba có nhiều tuyến đường quan trọng. Dưới con mắt của các nhà quân sự Pháp, Điện Biên Phủ "là một vị trí chiến lược quan trọng chẳng những đối với chiến trường Đông Dương, mà còn đối với Đông Nam Á - một trục giao thông nối liền các miền biên giới Lào, Thái Lan, Miến Điện và Trung Quốc" 1. Đó là "một cái chìa khoá để bảo vệ Thượng Lào", một "bàn xoay" có thể đi bốn phía Việt Nam, Lào, Miến Điện, Trung Quốc . Điện Biên Phủ được xây dựng thành một hệ thống phòng ngự dày đặc gồm 49 cứ điểm, mỗi cứ điểm đều có khả năng phòng ngự. Nhiều cứ điểm nằm kề nhau được tổ chức lại thành cụm cứ điểm; mỗi một cụm cứ điểm chính là một trung tâm đề kháng theo kiểu phức tạp, có lực lượng cơ động và hoả lực riêng, có hệ thống công sự vững chắc, xung quanh có hàng rào dây thép gai dày đặc và có cả năng độc lập phòng ngự khá mạnh. Mỗi trung tâm đề kháng cũng như toàn bộ tập đoàn cứ điểm đều được che chở bằng một hệ thống công sự nằm chìm dưới mặt đất, bằng một hệ thống vật cản hàng rào hoặc bãi dây thép gai, bãi mìn cùng một hệ thống hoả lực mạnh. Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ có 8 cụm cứ điểm và được xây dựng thành 3 phân khu có khả năng yểm trợ cho nhau: Phân khu Bắc có hai trung tâm đề kháng là Độc Lập và Bản Kéo; trong đó cứ điểm Độc Lập có nhiệm vụ án ngữ phía bắc, ngăn chặn cuộc tiến công của quân ta từ hướng Lai Châu vào Điện Biên Phủ. Phân khu Nam đặt tại bản Hồng Cúm, có một sân bay dự bị, làm

nhệm vụ ngăn chặn quân ta tiến công từ phía nam lên, đồng thời giữ con đường liên lạc với Thượng Lào. Phân khu lớn nhất và quan trọng nhất là phân khu Trung tâm, đặt tại giữa thung lũng Mường Thanh (huyện lỵ Điện Biên, nay là thành phố Điện Biên). Tại phân khu này, có năm sở chỉ huy của Tướng Đờ Cátxtori, một sân bay chính Mường Thanh – nơi được coi là "trái tim" và là cái "dạ dày" của tập đoàn cứ điểm.

Địch tập trung ở phân khu Trung tâm tới 2/3 lực lượng. Ở phía đông phân khu Trung tâm có một hệ thống cao điểm rất lợi hại (A1, C1, D1, E1), hợp thành một bức bình phong thiên nhiên vững chắc mà địch cho là khó lòng vượt qua. Cụm cứ điểm Him Lam tuy thuộc phân khu Trung tâm, nhưng cùng với các cụm cứ điểm Độc Lập, Bản Kéo là những vị trí ngoại vi đột xuất của địch, có nhiệm vụ án ngữ phía bắc và đông bắc, ngăn chặn cuộc tiến công của ta từ hướng Tuần Giáo vào Điện Biên Phủ. Lực lượng địch ở tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ tăng dần từ 6 tiểu đoàn lên 9 tiểu đoàn, rồi 12 tiểu đoàn. Cho đến thượng tuần tháng 3-1954, tổng số binh lực của địch là 17 tiểu đoàn (16.200 tên), phần lớn là các đơn vị lính Âu - Phi tinh nhuệ.

Với hệ thống công sự vững chắc, lực lượng cơ động mạnh, binh khí kỹ thuật nhiều và hiện đại, tập đoàn đế quốc Pháp – Mĩ đều coi Điện Biên Phủ là "Pháo đài bất khả xâm phạm", là "cái bẫy hiểm ác", "cái máy

nghiên không lồ" để nghiền nát quân chủ lực của ta.

Trung tâm điểm của Kế hoạch Nava từ cho tập trung quân cơ động tại đồng bằng Bắc Bộ, đã chuyển sang xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Vì vậy, muốn phá tan Kế hoạch Nava để ngăn chặn âm mưu của đế quốc Pháp - Mỹ, nhất thiết phải tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Có tiêu diệt được Điện Biên Phủ thì mới đập tan được âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh của đế quốc Pháp - Mỹ. Tuy nhiên, sự cần thiết phải tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ và tầm quan trọng của Điện Biên Phủ không thể coi là cơ sở chủ yếu và duy nhất để hạ quyết tâm đánh Điện Biên Phủ. Vấn đề chủ yếu là căn cứ vào so sánh lực lượng cụ thể giữa ta và địch lúc bấy giờ, căn cứ vào những khả năng mới của quân ta và của địch để có thể đi đến quyết định đánh hay không đánh . Ngày 6-12-1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã triệu tập Hội nghị và nhận định: Điện Biên Phủ là một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất của thực dân Pháp ở Đông Dương, nhưng nó có những chỗ yếu rất cơ bản. Tập đoàn này nằm sâu trong vùng rừng núi Tây Bắc Việt Nam, cách xa hậu phương của địch; mọi sự tiếp tế, tiếp viện đều dựa vào đường không, nên dễ bị cô lập.

Đối với ta, Điện Biên Phủ cũng là nơi xa hậu phương lớn (cách Việt Bắc và vùng tự do Thanh - Nghệ - Tĩnh từ 300 đến 500 km). Vì vậy, nếu đánh Điện Biên Phủ, ta sẽ gặp khó khăn lớn nhất là vấn đề tiếp tế, hậu

cần; nhưng nhân dân ta hoàn toàn có khả năng khắc phục được. Đó là, hậu phương của ta được xây dựng vững chắc về mọi mặt và đang chuyển mạnh trong cuộc cách mạng ruộng đất; chính quyền dân chủ nhân dân và mặt trận dân tộc thống nhất dựa trên nền tảng liên minh công nông được củng cố và mở rộng. Hơn nữa, quân đội ta đã trưởng thành không chỉ về số lượng, mà cả về chất lượng, có khả năng đánh được một tập đoàn cứ điểm.

Từ nhận định trên, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ, mang mật danh chiến dịch Trần Đình. Mục tiêu của chiến dịch là tiêu diệt toàn bộ lực lượng địch tại đây, giải phóng toàn bộ lãnh thổ Tây Bắc và tạo điều kiện thuận lợi cho bạn giải phóng miền Bắc Thượng Lào; đồng thời tiêu hao một phần sinh lực địch trên chiến trường Đông Dương.

Điện Biên Phủ trở thành điểm quyết chiến chiến lược giữa ta và địch. Trong Chỉ thị ngày 22-12-1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ chiến dịch Điện Biên Phủ là một chiến dịch rất quan trọng không những về quân sự mà cả về chính trị, không những đối với trong nước mà cả đối với quốc tế. Vì vậy, toàn Đảng, toàn quân phải tập trung hoàn thành cho kì được.

Từ sau quyết định của Bộ Chính trị, mọi công tác chuẩn bị cho chiến dịch được xúc tiến rất khẩn trương. Bộ chỉ huy và Đảng uỷ Mặt trận

được thành lập do Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Ủy viên Bộ Chính trị, Tổng Tư lệnh quân đội nhân dân Việt Nam trực tiếp làm Chỉ huy trưởng kiêm Bí thư Đảng ủy Mặt trận. Chính phủ ra quyết định thành lập Hội đồng cung cấp mặt trận do Phạm Văn Đồng - Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ, làm Chủ tịch. Quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã biến thành ý chí và hành động của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Với khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng", nhân dân ở các vùng tự do Việt Bắc, Liên khu III, Liên khu IV, vùng mới giải phóng Tây Bắc, cũng như trong các vùng du kích và căn cứ du kích đồng bằng Bắc Bộ đều hăng hái, tự nguyện đóng góp sức lực, tiền của, sẵn sàng hi sinh hết thảy, kịp thời bảo đảm cung cấp cho chiến dịch. Trong chín năm kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mĩ, chưa bao giờ sức mạnh hậu phương lại được phát huy cao độ và sử dụng một cách có hiệu quả như thời kì này.

Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, đồng bào các dân tộc Việt Bắc, Tây Bắc, Liên khu III, Liên khu IV đã đóng góp 261.453 dân công (tương đương 14 triệu ngày công), 25.056 tấn lương thực, 907 tấn thịt và hàng ngàn tấn thực phẩm khác. Đặc biệt, đồng bào Tây Bắc đã có những cố gắng rất lớn.